

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TTHC
V/v thông kê danh mục TTHC
không có hồ sơ trong 03 năm

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công điện số 90/CĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về đảm bảo thực hiện thủ tục hành chính thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn khi sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiệm vụ: *“Rà soát, cấu trúc lại dịch vụ công trực tuyến trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thực chất, hiệu quả; không xây dựng mới dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính không có hồ sơ trong 03 năm liền để tránh lãng phí”* theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện nêu trên.

Trên cơ sở rà soát, đề xuất của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cung cấp thông tin danh mục gồm **550** thủ tục hành chính không có phát sinh hồ sơ trong 03 năm liền (2022, 2023, 2024).

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính gửi Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp, kiến nghị các Bộ ngành xem xét sửa đổi, bổ sung tại các quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (***có Phụ lục kèm theo***)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát TTHC (*để báo cáo*);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP, TTHC, KGVX;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục
DANH MỤC TTHC KHÔNG CÓ HỒ SƠ TRONG 03 NĂM LIỀN (2022, 2023, 2024)
(Kèm theo Công văn số /UBND-TTHC ngày tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ DUNG QUỐC VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI (18 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (BQL)	1.009757	Cấp tỉnh	Đầu tư
2	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009768	Cấp tỉnh	Đầu tư
3	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009777	Cấp tỉnh	Đầu tư
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009762	Cấp tỉnh	Đầu tư
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009766	Cấp tỉnh	Đầu tư
6	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009765	Cấp tỉnh	Đầu tư
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng	1.009767	Cấp tỉnh	Đầu tư

	quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý			
8	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009769	Cấp tỉnh	Đầu tư
9	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf (Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư)	1.009742	Cấp tỉnh	Đầu tư
10	Chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	1.009755	Cấp tỉnh	Đầu tư
11	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009774	Cấp tỉnh	Đầu tư
12	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009773	Cấp tỉnh	Đầu tư
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009763	Cấp tỉnh	Đầu tư
14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	1.009770	Cấp tỉnh	Đầu tư
15	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài	1.009776	Cấp tỉnh	Đầu tư

	trong hợp đồng BCC			
16	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	2.002603	Cấp tỉnh	Đấu thầu
17	Thủ tục Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyển/ Theo tuyển trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/ Dự án	1.013230	Cấp tỉnh	Đấu thầu
18	Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	1.013234	Cấp tỉnh	Hoạt động xây dựng

II. SỞ CÔNG THƯƠNG (39 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000136	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000166	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000156	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000390	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000354	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh	2.000279	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí

	doanh mua bán CNG			
7	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	1.000481	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
8	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000201	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000207	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000194	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000187	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000196	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
13	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000180	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	1.000425	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000387	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
16	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000371	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000376	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000163	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
19	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000211	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào	1.000444	Cấp tỉnh	Kinh doanh khí

	phương tiện vận tải			
21	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	1.010696	Cấp tỉnh	Lưu thông hàng hóa trong nước
22	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000622	Cấp tỉnh	Lưu thông hàng hóa trong nước
23	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000204	Cấp tỉnh	Lưu thông hàng hóa trong nước
24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000197	Cấp tỉnh	Lưu thông hàng hóa trong nước
25	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000640	Cấp tỉnh	Lưu thông hàng hóa trong nước
26	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001630	Cấp tỉnh	Lưu thông hàng hóa trong nước
27	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	2.000172	Cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
28	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001547	Cấp tỉnh	Hóa chất
29	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001172	Cấp tỉnh	Hóa chất
30	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001175	Cấp tỉnh	Hóa chất
31	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001161	Cấp tỉnh	Hóa chất
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011507	Cấp tỉnh	Hóa chất

33	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	1.011508	Cấp tỉnh	Hóa chất
34	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.001158	Cấp tỉnh	Công nghiệp nặng
35	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000063	Cấp tỉnh	Thương mại quốc tế
36	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000450	Cấp tỉnh	Thương mại quốc tế
37	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000347	Cấp tỉnh	Thương mại quốc tế
38	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000327	Cấp tỉnh	Thương mại quốc tế
39	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000314	Cấp tỉnh	Thương mại quốc tế

III. SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO (22 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012672	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
2	Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012664	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
3	Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012658	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
4	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại	1.012657	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo

	Việt Nam			
5	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	1.012656	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
6	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	1.012653	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
7	Thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012651	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
8	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012641	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
9	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	1.012639	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
10	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.012637	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
11	Thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.012635	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
12	Thông báo tổ chức quyên góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyên góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP	1.012634	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
13	Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012632	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
14	Thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012630	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo

15	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012628	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
16	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012625	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
17	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012622	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
18	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012617	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
19	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.012608	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
20	Thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012604	Cấp tỉnh	Tín ngưỡng, tôn giáo
21	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực	1.012593	Cấp huyện (cũ)	Tín ngưỡng, tôn giáo

	thuộc			
22	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.012579	Cấp xã	Tín ngưỡng, tôn giáo

IV. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (37 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	1.004988	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
2	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	1.004999	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
3	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	1.004991	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
4	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	1.005008	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
5	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	2.001987	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
6	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	3.000301	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
7	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	3.000302	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
8	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	3.000303	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
9	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	3.000304	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
10	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	3.000305	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
11	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp -	3.000306	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác

	giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông			
12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	1.012958	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
13	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	1.012960	Cấp tỉnh	Các cơ sở giáo dục khác
14	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	3.000316	Cấp tỉnh	Giáo dục thường xuyên
15	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	3.000317	Cấp tỉnh	Giáo dục thường xuyên
16	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	1.013758	Cấp tỉnh	Giáo dục thường xuyên
17	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	1.013754	Cấp tỉnh	Giáo dục thường xuyên
18	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại	1.013752	Cấp tỉnh	Giáo dục thường xuyên
19	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	1.013753	Cấp tỉnh	Giáo dục thường xuyên
20	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	1.013751	Cấp tỉnh	Giáo dục thường xuyên
21	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	1.013756	Cấp tỉnh	Giáo dục thường xuyên
22	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	1.013757	Cấp tỉnh	Giáo dục thường xuyên
23	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	2.002480	Cấp tỉnh	Giáo dục trung học

24	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	2.002479	Cấp tỉnh	Giáo dục trung học
25	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	1.012954	Cấp tỉnh	Giáo dục trung học
26	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	1.012955	Cấp tỉnh	Giáo dục trung học
27	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	1.012956	Cấp tỉnh	Giáo dục trung học
28	Phê duyệt liên kết giáo dục	1.001499	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài
29	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	1.001497	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài
30	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	1.001496	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài
31	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001495	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài
32	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.001493	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài
33	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	1.001492	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài
34	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000718	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài
35	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	1.000716	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài
36	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo	1.000939	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài

	dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam			
37	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.008722	Cấp tỉnh	Đào tạo với nước ngoài

V. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (37 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Công bố sử dụng dấu định lượng	2.000212	Cấp tỉnh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
2	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	1.000449	Cấp tỉnh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
3	Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	1.001392	Cấp tỉnh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân	2.002253	Cấp tỉnh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
5	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	2.001100	Cấp tỉnh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
6	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	2.001100	Cấp tỉnh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
7	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	2.001501	Cấp tỉnh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
8	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà	1.012074	Cấp tỉnh	Trồng trọt

	nước			
9	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công sử dụng ngân sách nhà nước	1.012075	Cấp tỉnh	Trồng trọt
10	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.006427	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
11	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	2.000079	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
12	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	2.002144	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
13	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	2.001179	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
14	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	3.000259	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
15	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1.011812	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
16	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1.011814	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
17	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	1.011815	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ

18	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	1.011816	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
19	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	2.001143	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
20	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	2.001137	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
21	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	1.002690	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
22	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	2.001643	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
23	Cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	2.002544	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
24	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	2.002546	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
25	Cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	2.002548	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
26	Xác nhận dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	1.012349	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
27	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	1.011820	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ
28	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc	1.011819	Cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ

	phạm vi quản lý của bộ, ngành			
29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	1.011937	Cấp tỉnh	Sở hữu trí tuệ
30	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	1.011938	Cấp tỉnh	Sở hữu trí tuệ
31	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	1.011939	Cấp tỉnh	Sở hữu trí tuệ
32	Cấp lại văn bản xác nhận Thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất, hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	1.005442	Cấp tỉnh	Bưu chính
33	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi bị mất, hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	1.004379	Cấp tỉnh	Bưu chính
34	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi hết hạn	1.003633	Cấp tỉnh	Bưu chính
35	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bưu chính	1.003687	Cấp tỉnh	Bưu chính
36	Cấp Giấy phép bưu chính (nội tỉnh)	1.003659	Cấp tỉnh	Bưu chính
37	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khảo học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	1.006222	Cấp tỉnh	Quản lý công sản

VI. SỞ NỘI VỤ (31 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	1.000414	Cấp tỉnh	Lao động
2	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000436	Cấp tỉnh	Lao động
3	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	1.009466	Cấp tỉnh	Lao động
4	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện UBND cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	1.009467	Cấp tỉnh	Lao động
5	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	2.000111	Cấp tỉnh	An toàn, vệ sinh lao động

6	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tư huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tư huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	1.005449	Cấp tỉnh	An toàn, vệ sinh lao động
7	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tư huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tư huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	1.005450	Cấp tỉnh	An toàn, vệ sinh lao động
8	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động	2.002341	Cấp tỉnh	An toàn, vệ sinh lao động
9	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ	2.002343	Cấp tỉnh	An toàn, vệ sinh lao động

	bị bệnh nghề nghiệp			
10	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành	1.013337	Cấp tỉnh	An toàn, vệ sinh lao động
11	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	1.001881	Cấp tỉnh	Việc làm
12	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	2.000219	Cấp tỉnh	Việc làm
13	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	1.005132	Cấp tỉnh	Quản lý lao động nước ngoài
14	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	2.002105	Cấp tỉnh	Quản lý lao động nước ngoài
15	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	1.005219	Cấp tỉnh	Quản lý lao động nước ngoài
16	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	1.000502	Cấp tỉnh	Quản lý lao động nước ngoài
17	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1.010811	Cấp tỉnh	Người có công
18	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do	1.010813	Cấp tỉnh	Người có công

	tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình			
19	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821	Cấp tỉnh	Người có công
20	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	1.010822	Cấp tỉnh	Người có công
21	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	1.010828	Cấp tỉnh	Người có công
22	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công đã chuyển ra	1.010826	Cấp tỉnh	Người có công
23	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1.010805	Cấp tỉnh; Cấp xã	Người có công
24	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1.010812	Cấp tỉnh; Cấp xã	Người có công
25	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1.010815	Cấp tỉnh; Cấp xã	Người có công
26	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819	Cấp tỉnh; Cấp xã	Người có công
27	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	1.010820	Cấp tỉnh; Cấp xã	Người có công
28	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010829	Cấp tỉnh; Cấp xã	Người có công
29	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.010830	Cấp tỉnh; Cấp xã	Người có công
30	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công	1.010814	Cấp xã	Người có công

	do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ			
31	Tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công đã chuyển ra quy định tại khoản 2 điều 118 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	1.011380	Cơ quan khác	Người có công

VII. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (80 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	1.000081	Cấp tỉnh	Lâm nghiệp
2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	1.000084	Cấp tỉnh	Lâm nghiệp
3	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	1.011470	Cấp tỉnh	Lâm nghiệp
4	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	1.012921	Cấp tỉnh	Lâm nghiệp
5	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	1.000058	Cấp tỉnh	Lâm nghiệp
6	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	1.000071	Cấp tỉnh	Lâm nghiệp
7	Quyết định giao rừng cho tổ chức	1.012688	Cấp tỉnh	Kiểm lâm

8	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	3.000159	Cấp tỉnh	Kiểm lâm
9	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	1.012413	Cấp tỉnh	Kiểm lâm
10	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	1.012690	Cấp tỉnh	Kiểm lâm
11	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	1.012691	Cấp tỉnh	Kiểm lâm
12	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	1.000047	Cấp tỉnh	Kiểm lâm
13	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	1.004923	Cấp tỉnh	Thủy sản
14	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	1.004921	Cấp tỉnh	Thủy sản
15	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	1.004915	Cấp tỉnh	Thủy sản
16	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	1.004913	Cấp tỉnh	Thủy sản
17	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	1.004656	Cấp tỉnh	Thủy sản
18	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	1.004680	Cấp tỉnh	Thủy sản

19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	1.003586	Cấp tỉnh	Thủy sản
20	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	1.004056	Cấp tỉnh	Thủy sản
21	Công bố mở cảng cá loại 2	1.004694	Cấp tỉnh	Thủy sản
22	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	1.000969	Cấp tỉnh	Biển và hải đảo
23	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	2.000444	Cấp tỉnh	Biển và hải đảo
24	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	1.005400	Cấp tỉnh	Biển và hải đảo
25	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	1.000705	Cấp tỉnh	Biển và hải đảo
26	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	1.005181	Cấp tỉnh	Biển và hải đảo
27	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	2.002625	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
28	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000 m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải dưới 50.000 DWT	1.013127	Cấp tỉnh	Ứng phó sự cố tràn dầu
29	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh)	1.010730	Cấp tỉnh	Môi trường
30	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	1.008675	Cấp tỉnh	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
31	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	1.008682	Cấp tỉnh	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
32	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	1.003984	Cấp tỉnh	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
33	Công nhận làng nghề truyền thống	1.003727	Cấp tỉnh	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

34	Công nhận nghề truyền thống	1.003712	Cấp tỉnh	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
35	Công nhận làng nghề	1.003695	Cấp tỉnh	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
36	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	1.003397	Cấp tỉnh	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
37	Lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh	1.011868	Cấp tỉnh	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
38	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	1.003434	Cấp xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
39	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008129	Cấp tỉnh	Chăn nuôi
40	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	1.008127	Cấp tỉnh	Chăn nuôi
41	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2.001426	Cấp tỉnh	Thủy lợi
42	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2.001795	Cấp tỉnh	Thủy lợi
43	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1.003870	Cấp tỉnh	Thủy lợi

44	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1.003921	Cấp tỉnh	Thủy lợi
45	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1.003893	Cấp tỉnh	Thủy lợi
46	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2.001796	Cấp tỉnh	Thủy lợi
47	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2.001793	Cấp tỉnh	Thủy lợi
48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1.004385	Cấp tỉnh	Thủy lợi
49	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	1.003880	Cấp tỉnh	Thủy lợi
50	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương	2.001401	Cấp tỉnh	Thủy lợi

	tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh			
51	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	1.008408	Cấp tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai
52	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	1.008409	Cấp tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai
53	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	1.008410	Cấp tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai
54	Cấp giấy phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều: Để vật liệu, đào ao, giếng ở bãi sông		Cấp tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai
55	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động liên quan đến đề điều		Cấp tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai
56	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường	1.011769	Cấp tỉnh	Quản lý công sản
57	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.000327	Cấp tỉnh	Quản lý công sản
58	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.000324	Cấp tỉnh	Quản lý công sản
59	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	3.000328	Cấp tỉnh	Quản lý công sản
60	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	3.000326	Cấp tỉnh	Quản lý công sản
61	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004253	Cấp tỉnh	Tài nguyên nước
62	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.011518	Cấp tỉnh	Tài nguyên nước
63	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai	1.000824	Cấp tỉnh	Tài nguyên nước

	thác tài nguyên nước			
64	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1.000987	Cấp tỉnh	Khí tượng, thủy văn
65	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1.000970	Cấp tỉnh	Khí tượng, thủy văn
66	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1.000943	Cấp tỉnh	Khí tượng, thủy văn
67	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	1.012756	Cấp tỉnh	Đất đai
68	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	1.012793	Cấp tỉnh	Đất đai
69	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1.012782	Cấp tỉnh	Đất đai
70	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	1.013994	Cấp tỉnh	Đất đai
71	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	1.012821	Cấp tỉnh	Đất đai
72	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	1.000049	Cấp tỉnh	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý
73	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	1.005408	Cấp tỉnh	Khoáng sản
74	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.004481	Cấp tỉnh	Khoáng sản
75	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	2.001814	Cấp tỉnh	Khoáng sản
76	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001781	Cấp tỉnh	Khoáng sản

77	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1.004343	Cấp tỉnh	Khoáng sản
78	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001777	Cấp tỉnh	Khoáng sản
79	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	1.005408	Cấp tỉnh	Khoáng sản
80	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	1.004083	Cấp tỉnh	Khoáng sản

VIII. SỞ TÀI CHÍNH (30 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	2.002042	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
2	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	2.002011	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
3	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	2.002031	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp	2.002075	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp

	lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính			
5	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	2.002075	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
6	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	2.000368	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
7	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	2.000416	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
8	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2.000375	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
9	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	1.010029	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
10	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các	1.010030	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp

	giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh			
11	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.010031	Cấp tỉnh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp
12	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009494	Cấp tỉnh	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
13	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009492	Cấp tỉnh	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
14	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009493	Cấp tỉnh	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
15	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009491	Cấp tỉnh	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
16	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	1.008423	Cấp tỉnh	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức
17	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	2.002053	Cấp tỉnh	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển

				chính thức
18	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	1.012507	Cấp tỉnh	Đấu thầu
19	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	1.012508	Cấp tỉnh	Đấu thầu
20	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	1.012509	Cấp tỉnh	Đấu thầu
21	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	1.012510	Cấp tỉnh	Đấu thầu
22	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	2.002603	Cấp tỉnh	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
23	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009644	Cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
24	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009655	Cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
25	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009656	Cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
26	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009769	Cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
27	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009731	Cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
28	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng	1.009665	Cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam

	nhận đăng ký đầu tư			
29	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009736	Cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
30	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	2.000765	Cấp tỉnh	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

IX. SỔ TƯ PHÁP (121 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	2.002192	Cấp tỉnh	Bồi thường nhà nước
2	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	2.002191	Cấp tỉnh	Bồi thường nhà nước
3	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (cấp tỉnh)	2.002193	Cấp tỉnh	Bồi thường nhà nước
4	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2.002165	Cấp xã	Bồi thường nhà nước
5	Bản Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	1.013852	Cấp tỉnh	Công chứng
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	1.013837	Cấp tỉnh	Công chứng
7	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	1.013849	Cấp tỉnh	Công chứng
8	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	1.013846	Cấp tỉnh	Công chứng
9	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	1.013856	Cấp tỉnh	Công chứng
10	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề	1.013806	Cấp tỉnh	Công chứng

	công chứng ở nước ngoài			
11	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	1.013840	Cấp tỉnh	Công chứng
12	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1.013808	Cấp tỉnh	Công chứng
13	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	1.013839	Cấp tỉnh	Công chứng
14	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	1.013805	Cấp tỉnh	Công chứng
15	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	1.013842	Cấp tỉnh	Công chứng
16	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	1.013853	Cấp tỉnh	Công chứng
17	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	1.013843	Cấp tỉnh	Công chứng
18	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1.013812	Cấp tỉnh	Công chứng
19	Thu hồi Thẻ công chứng viên	1.013832	Cấp tỉnh	Công chứng
20	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	1.000802	Cấp tỉnh	Đấu giá tài sản
21	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	1.013635	Cấp tỉnh	Đấu giá tài sản
22	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001258	Cấp tỉnh	Đấu giá tài sản
23	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2.001395	Cấp tỉnh	Đấu giá tài sản
24	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	2.002139	Cấp tỉnh	Đấu giá tài sản

25	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	2.001225	Cấp tỉnh	Đấu giá tài sản
26	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	1.003915	Cấp tỉnh	Đấu giá tài sản
27	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	1.001117	Cấp tỉnh	Giám định tư pháp
28	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	2.000555	Cấp tỉnh	Giám định tư pháp
29	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	1.009832	Cấp tỉnh	Giám định tư pháp
30	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	2.000890	Cấp tỉnh	Giám định tư pháp
31	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh	1.001216	Cấp tỉnh	Giám định tư pháp
32	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	2.000823	Cấp tỉnh	Giám định tư pháp
33	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	2.000568	Cấp tỉnh	Giám định tư pháp
34	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	1.008909	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
35	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1.008911	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
36	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	1.008907	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
37	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1.008914	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
38	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1.008908	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại

39	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	1.009283	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
40	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	2.000515	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
41	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	1.008915	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
42	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	2.001716	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
43	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	1.008913	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
44	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	2.002047	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
45	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008910	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại
46	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương	1.008916	Cấp tỉnh	Hòa giải thương mại

	mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh			
47	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	1.000828	Cấp tỉnh	Luật sư
48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	1.008628	Cấp tỉnh	Luật sư
49	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	1.008624	Cấp tỉnh	Luật sư
50	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1.002368	Cấp tỉnh	Luật sư
51	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	1.008709	Cấp tỉnh	Luật sư
52	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	1.001928	Cấp tỉnh	Luật sư
53	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	1.002384	Cấp tỉnh	Luật sư
54	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1.002181	Cấp tỉnh	Luật sư
55	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	1.002398	Cấp tỉnh	Luật sư
56	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1.002010	Cấp tỉnh	Luật sư
57	Hợp nhất công ty luật	1.002218	Cấp tỉnh	Luật sư
58	Sáp nhập công ty luật	1.002234	Cấp tỉnh	Luật sư
59	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	1.002079	Cấp tỉnh	Luật sư
60	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.002055	Cấp tỉnh	Luật sư

61	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1.002198	Cấp tỉnh	Luật sư
62	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	1.008614	Cấp tỉnh	Luật sư
63	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	1.003179	Cấp tỉnh	Nuôi con nuôi
64	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1.003160	Cấp tỉnh	Nuôi con nuôi
65	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha đẻ, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	1.004878	Cấp tỉnh	Nuôi con nuôi
66	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255	Cấp xã	Nuôi con nuôi
67	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	2.002349	Cấp xã	Nuôi con nuôi
68	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000080	Cấp xã	Hộ tịch
69	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000110	Cấp xã	Hộ tịch
70	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.004827	Cấp xã	Hộ tịch
71	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000094	Cấp xã	Hộ tịch
72	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	1.002681	Cấp tỉnh	Quản tài viên
73	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong	2.001130	Cấp tỉnh	Quản tài viên

	lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên			
74	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	2.001117	Cấp tỉnh	Quản tài viên
75	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.001842	Cấp tỉnh	Quản tài viên
76	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	1.002626	Cấp tỉnh	Quản tài viên
77	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.001633	Cấp tỉnh	Quản tài viên
78	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.008727	Cấp tỉnh	Quản tài viên
79	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	1.001600	Cấp tỉnh	Quản tài viên
80	Nhập quốc tịch Việt Nam	2.002039	Cấp tỉnh	Quốc tịch
81	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002036	Cấp tỉnh	Quốc tịch
82	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002038	Cấp tỉnh	Quốc tịch
83	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	1.008924	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
84	Bỏ nhiệm Thừa phát lại	1.008922	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
85	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	1.008928	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
86	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1.008932	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
87	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	1.008936	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
88	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	1.008921	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
89	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1.008933	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
90	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	1.008935	Cấp tỉnh	Thừa phát lại

91	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	1.008925	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
92	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	1.008934	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
93	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	1.008923	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
94	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	1.008937	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
95	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	1.008926	Cấp tỉnh	Thừa phát lại
96	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1.008886	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
97	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1.001248	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
98	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1.008888	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
99	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	1.008887	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
100	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	1.008885	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
101	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008906	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại

102	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008890	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
103	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1.008889	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
104	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	2.000822	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
105	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.008905	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
106	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1.008904	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
107	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1.001609	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
108	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	2.000819	Cấp tỉnh	Trọng tài thương mại
109	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	1.000390	Cấp tỉnh	Tư vấn pháp luật
110	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	1.000426	Cấp tỉnh	Tư vấn pháp luật
111	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	1.000614	Cấp tỉnh	Tư vấn pháp luật
112	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	1.000627	Cấp tỉnh	Tư vấn pháp luật
113	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	1.000588	Cấp tỉnh	Tư vấn pháp luật
114	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	1.000404	Cấp tỉnh	Tư vấn pháp luật
115	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ	2.000970	Cấp tỉnh	Trợ giúp pháp lý

	chức tư vấn pháp luật			
116	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2.000954	Cấp tỉnh	Trợ giúp pháp lý
117	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2.000840	Cấp tỉnh	Trợ giúp pháp lý
118	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	2.000587	Cấp tỉnh	Trợ giúp pháp lý
119	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	2.000518	Cấp tỉnh	Trợ giúp pháp lý
120	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	2.000596	Cấp tỉnh	Trợ giúp pháp lý
121	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	1.001233	Cấp tỉnh	Trợ giúp pháp lý

X. SỞ XÂY DỰNG (47 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	1.001577	Cấp tỉnh	Đường bộ
2	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	1.002063	Cấp tỉnh	Đường bộ
3	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	1.002286	Cấp tỉnh	Đường bộ
4	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	1.001737	Cấp tỉnh	Đường bộ
5	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	1.002046	Cấp tỉnh	Đường bộ
6	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1.010707	Cấp tỉnh	Đường bộ
7	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002268	Cấp tỉnh	Đường bộ
8	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo	1.005040	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy

	đường thủy nội địa bổ sung			
9	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	2.001219	Cấp xã	Hàng hải và đường thủy
10	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1.009465	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
11	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	1.009446	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
12	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	1.009454	Cấp xã	Hàng hải và đường thủy
13	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	1.009456	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
14	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.009458	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
15	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1.009460	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
16	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1.009464	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
17	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	1.003658	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
18	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	1.004242	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
19	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	1.009459	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
20	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001218	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
21	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1.009447	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
22	Công bố đóng khu neo đậu	1.009450	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
23	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1.009444	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy

24	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1.009461	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
25	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	1.009445	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
26	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009463	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
27	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009451	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
28	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009453	Cấp xã	Hàng hải và đường thủy
29	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1.009452	Cấp xã	Hàng hải và đường thủy
30	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	1.009442	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
31	Thiết lập khu neo đậu	1.009448	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
32	Công bố hoạt động khu neo đậu	1.009449	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
33	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	1.009446	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
34	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	1.009462	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
35	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001217	Cấp xã	Hàng hải và đường thủy
36	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1.009443	Cấp tỉnh	Hàng hải và đường thủy
37	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành	1.009976	Cấp tỉnh	Hoạt động xây dựng

	tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)			
38	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013219	Cấp tỉnh	Hoạt động xây dựng
39	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1.008432	Cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
40	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008992	Cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
41	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008993	Cấp tỉnh	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc
42	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	1.009788	Cấp tỉnh	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
43	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791	Cấp tỉnh	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
44	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	1.012890	Cấp tỉnh	Nhà ở và công sở
45	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012894	Cấp tỉnh	Nhà ở và công sở
46	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.012904	Cấp tỉnh	Kinh doanh bất động sản
47	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22	1.011729	Cấp tỉnh	Hải quan

XI. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (88 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Lĩnh vực
1	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	2.001613	Cấp tỉnh	Di sản văn hóa
2	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	1.003793	Cấp tỉnh	Di sản văn hóa
3	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	1.003738	Cấp tỉnh	Di sản văn hóa
4	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1.001833	Cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
5	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	1.001778	Cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
6	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	1.001755	Cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
7	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001738	Cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
8	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	1.001671	Cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
9	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001229	Cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
10	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001211	Cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm

11	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001191	Cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
12	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001182	Cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
13	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	1.009403	Cấp tỉnh	Nghệ thuật biểu diễn
14	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004639	Cấp tỉnh	Quảng cáo
15	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004662	Cấp tỉnh	Quảng cáo
16	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004666	Cấp tỉnh	Quảng cáo
17	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012080	Cấp tỉnh	Gia đình
18	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012081	Cấp tỉnh	Gia đình
19	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012082	Cấp tỉnh	Gia đình
20	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008895	Cấp tỉnh	Thư viện
21	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008896	Cấp tỉnh	Thư viện

22	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008897	Cấp tỉnh	Thư viện
23	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.011454	Cấp tỉnh	Điện ảnh
24	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	1.001376	Cấp tỉnh	Thi đua - Khen thưởng
25	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	1.001108	Cấp tỉnh	Thi đua - Khen thưởng
26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.006412	Cấp tỉnh	Hợp tác quốc tế
27	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.001082	Cấp tỉnh	Hợp tác quốc tế
28	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.001091	Cấp tỉnh	Hợp tác quốc tế
29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	1.002445	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
30	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1.002396	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
31	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000983	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
32	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	1.002022	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
33	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	1.002013	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao

34	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001782	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
35	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	1.000936	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
36	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	1.000920	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
37	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	1.001195	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
38	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	1.000904	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
39	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	1.000863	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
40	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	1.000847	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
41	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	1.000830	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
42	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	1.000814	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
43	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	1.000842	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
44	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	2.002188	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
45	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	1.000594	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
46	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	1.000560	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao
47	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	1.000544	Cấp tỉnh	Thẻ dực thể thao

48	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	1.001213	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
49	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	1.000485	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
50	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	1.005357	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
51	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	1.001801	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
52	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	1.001500	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
53	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	1.005162	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
54	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	1.001517	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	1.001056	Cấp tỉnh	Thể dục thể thao
56	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	2.001616	Cấp tỉnh	Du lịch
57	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	2.001589	Cấp tỉnh	Du lịch
58	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	1.003742	Cấp tỉnh	Du lịch
59	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.001837	Cấp tỉnh	Du lịch
60	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1.004605	Cấp tỉnh	Du lịch

61	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.003717	Cấp tỉnh	Du lịch
62	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	1.003240	Cấp tỉnh	Du lịch
63	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	1.003275	Cấp tỉnh	Du lịch
64	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.005161	Cấp tỉnh	Du lịch
65	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1.003002	Cấp tỉnh	Du lịch
66	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	1.004614	Cấp tỉnh	Du lịch
67	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004551	Cấp tỉnh	Du lịch
68	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004503	Cấp tỉnh	Du lịch
69	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.001455	Cấp tỉnh	Du lịch
70	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1.004572	Cấp tỉnh	Du lịch
71	Cho phép hợp báo nước ngoài (địa phương)	2.001173	Cấp tỉnh	Báo chí

72	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	1.003888	Cấp tỉnh	Thông tin đối ngoại
73	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	2.002738	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
74	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	2.002739	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
75	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	2.002740	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
76	Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.002001	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
77	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.001976	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
78	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.001988	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
79	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.004508	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
80	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001091	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
81	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001087	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
82	Cấp giấy chứng đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	2.001765	Cấp tỉnh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
83	Cấp lại giấy phép hoạt động in	2.001744	Cấp tỉnh	Xuất Bản, In và Phát hành
84	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	2.001740	Cấp tỉnh	Xuất Bản, In và Phát hành
85	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản	1.003114	Cấp tỉnh	Xuất Bản, In và Phát

	phẩm (cấp địa phương)			hành
86	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.008201	Cấp tỉnh	Xuất Bản, In và Phát hành
87	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	2.001584	Cấp tỉnh	Xuất Bản, In và Phát hành
88	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương)	2.001564	Cấp tỉnh	Xuất Bản, In và Phát hành

Tổng cộng: có 550 TTHC không có hồ sơ trong 03 năm liền (2022, 2023, 2024).